| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 86/2024/HC - PT
Ngày: 27/3/2024
*V/v: "Khiếu kiện QĐHC về lĩnh vực quản lý đất đai"*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Nguyễn Văn Tào.**

- *Các Thẩm phán:* ông **Phạm Tồn** và ông **Nguyễn Tấn Long.**

***- Thư ký phiên tòa:*** ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông **Quách Hòa Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 301/2023/TLPT-HC ngày 16 tháng 11 năm 2023, về: *"Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2023/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 242/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

***- Người khởi kiện:*** ông Đinh Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Đặng Hữu V, sinh năm 1996; địa chỉ: khối Quảng Lăng B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

***- Người bị kiện:*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N;

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Chí D - Phó Chủ tịch. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

1. Ông Nguyễn Như N - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Phước N1 - Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N. Có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm 1974; địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q;

*Người đại diện theo ủy quyền:* ông Nguyễn Trường S - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q. Có mặt.

***- Người tham gia tố tụng khác theo đề nghị của người bị kiện:*** UBND xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lương Quang T1 – Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường. Có mặt.

***- Người làm chứng:***

1. Bà Võ Thị L1; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị T2; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị H; vắng mặt.

4. Ông Đinh Hồng V1; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

5. Ông Nguyễn Văn L2; sinh năm 1963; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, Quảng Nam. Có mặt.

6. Ông Đinh Xuân L3, sinh năm 1960; có mặt.

7. Ông Đinh Xuân L4, sinh năm 1943; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

8. Ông Nguyễn D1, sinh năm 1970; có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Bà Lê Thị T3; sinh năm 1943; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

10. Bà Nguyễn Thị L5; sinh năm 1967; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

11. Ông Huỳnh H1, sinh năm 1951; địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông*** Đặng Hữu V ***trình bày:***

Năm 1995, cha ông Đinh Văn T là ông Đinh V2 có mua lại diện tích 14 mẫu rưỡi đất mắm và cây trồng lâu năm từ ông Nguyễn T4 và ông Nguyễn C

(cùng trú tại thôn D, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam). Thửa đất nằm tại dọc bờ sông thuộc xứ B, thuộc địa phận bờ đê thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam đúng với vị trí hiện tại ông T đang nuôi trồng thủy hải sản. Việc mua bán này đã được Ban nhân dân thôn 2 và Ủy ban nhân dân xã T xác nhận vào Giấy bán đất mắm và cây trồng lâu năm giữa ông Đinh V2 và ông Nguyễn T4, Nguyễn C vào tháng 6 năm 1995.

Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất trên, gia đình ông T đã đắp bờ bao chắn sóng và sử dụng nuôi trông thủy sản. Đến năm 1997, khi cha mẹ ông T đã lớn tuổi không còn sức khỏe để chống chọi với mùa mưa bão cũng như việc đắp bờ, chắn sóng, chống xói mòn sạt lở nên đã giao lại cho vợ chồng ông Đinh Văn T và Hoàng Thị Ngọc L đứng ra quản lý sử dụng và sản xuất.

Cũng như mọi năm thì năm nào đến mùa mưa bão sóng gió sạt lở đã san bằng bờ chỉ còn lại chân bờ, tiếp tục đến năm nay thì gia đình ông T có triển khai đắp bờ kiên cố để chống xói mòn, sạt lở để phục vụ cho việc nuôi trồng thuỷ sản. Tuy nhiên, ngày 22/7/2021 Ủy ban nhân dân (UBND) xã T xuống lập biên bản hiện trường và đến ngày 30/08/2021 thì lập Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC. UBND xã T cho rằng ông T lấn chiếm đất sông vi phạm điểm c khoản 4 điều 14 Nghị định số 91 năm 2019; trường hợp lấn, chiếm đất phi nông nghiệp.

Đến ngày 28/10/2021, ông Nguyễn Chí D - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N đã ban hành Quyết định số 19275/QĐ-XPVPHC xử phạt ông T về hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP. Cụ thể, đó là hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn.

Không đồng ý với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19257/QĐ-XPVPHC của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam nên vào ngày 01 tháng 11 năm 2021 ông T có làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam để giải quyết theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T.

Đến ngày 29 tháng 3 năm 2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N ban hành Quyết định số 2487/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 19257/QĐ-XPVPHC ngày 01 tháng 11 năm 2021 và tại quyết định giải quyết khiếu nại này đã quyết định: "Không công nhận nội dung kiếu nại của ông Đinh Văn T đối với Quyết định số 19257/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện N về xử phạt vi phạm hành chính; đồng thời giữ nguyên Quyết định số 19257/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện N."

Ông T nhận thấy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2487/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện N là không phù hợp với thực tế, không đúng với quy định pháp luật. Do đó, ông Đinh Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Huỷ Quyết định số 19257/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về xử phạt vi phạm hành chính;

- Huỷ Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn T, thường trú tại khối C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

**** Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện trình bày:***

*1. Về quá trình xử phạt vi phạm hành chính:*

Ngày 30/8/2021, UBND xã T lập Biên bản vi phạm hành chính số 05/BB-VPHC đối với ông Đinh Văn T về hành vi chiếm đất phi nông nghiệp, cụ thể là chiếm đất sông để đào, đắp ao nuôi trồng thủy sản, diện tích chiếm đất là 8.100m$^2$, tại thửa đất số 537, tờ bản đồ số 8, diện tích 573.053,2m$^2$, loại đất sông (SON) (theo hồ sơ cơ sở dữ liệu), thuộc thôn Đ, xã T, huyện N.

Ngày 09/9/2021, UBND xã T ban hành Tờ trình 103/TTr-UBND Về việc đề nghị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai gửi UBND tỉnh Q, Sở T đề nghị xử lý hành vi vi phạm hành chính của ông Đinh Văn T với mức xử phạt là 150.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Ngày 28/9/2021, Sở T ban hành Công văn số 2108/STNMT-TTr đề nghị gia hạn thời gian xác minh vụ việc vi phạm hành chính của ông Đinh Văn T và được Chủ tịch UBND tỉnh đồng ý gia hạn thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày kể từ ngày 29/9/2021.

Ngày 12/10/2021, Sở T ban hành Báo cáo số 570/BC-STNMT về vụ việc vi phạm hành chính của ông Đinh Văn T tại xã T, huyện N; theo đó, Sở T xác định, căn cứ vào nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất, hồ sơ đăng ký đất đai và kết quả kiểm tra hiện trạng thì diện tích 8.100m$^2$ ông Đinh Văn T bị lập Biên bản vi phạm hành chính (VPHC) qua các thời kỳ do UBND xã T quản lý, từ trước đến nay gia đình ông T không kê khai, đăng ký, đến năm 2021, ông T tiến hành múc đất đắp bờ, hình thành ao thì bị UBND xã T kiểm tra và lập Biên bản VPHC. Việc UBND xã T lập Biên bản VPHC số 05/BB-VPHC đối với ông Đinh Văn T về hành vi chiếm đất là đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Về loại đất vi phạm, Sở T xác định, ông Đinh Văn T có hành vi chiếm đất chưa sử dụng (BCS). Do đó, xác định hành vi vi phạm của ông Đinh Văn T thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND huyện N. Sở T đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của ông Đinh Văn T đến Chủ tịch UBND huyện N để xử phạt theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/10/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành Công văn số 7253/UBND-NC V/v xử lý vụ việc vi phạm hành chính của ông Đinh Văn T tại xã T, huyện N; theo đó thống nhất đề nghị của Sở T, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện N xử lý vụ việc vi phạm hành chính của ông Đinh Văn T theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 14/10/2021, Sở T đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vụ việc của ông Đinh Văn T cho UBND huyện N.

Trên cơ sở đó, ngày 28/10/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 19257/QĐ-XPVPHC về Xử phạt vi phạm hành chính; theo đó xử phạt ông Đinh Văn T đối với hành vi chiếm đất chưa sử dụng (BCS) tại khu vực nông thôn; diện tích chiếm đất là 8.100m$^2$, tại thửa đất số 757 và thửa đất số 760, thuộc mảnh trích đo bản đồ địa chính số 01-2020 được Sở T phê duyệt ngày 09/3/2021, địa chỉ tại thôn Đ, xã T, huyện N. Hình thức xử phạt chính là phạt tiền với mức 22.500.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả là buộc ông Đinh Văn T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.

*2. Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất của ông* Đinh Văn T *tại vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính (8.100m$^2$):*

Qua làm việc, ông Đinh Văn T trình bày: Diện tích đất mà ông Đinh Văn T bị xử phạt vi phạm hành chính (8.100m$^2$)tại thôn Đ, xã T có nguồn gốc là do cha mẹ Ông (ông Đinh V2 và bà Lê Thị G) nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn T4 và ông Nguyễn C với diện tích 14 mẫu rưỡi theo Giấy bán đất mắm và cây trồng lâu năm ngày 16/5/1995 và được UBND xã T xác nhận ngày 15/6/1995. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình Ô đã đắp bờ để nuôi trồng thủy sản (theo ông T xác định thì cũng là phần diện tích hiện nay Ông đôn đất làm bờ). Đến năm 1997, cha mẹ Ông thống nhất giao toàn bộ diện tích này cho vợ chồng Ông sử dụng. Trong quá trình sử dụng đất thì do sóng đánh hư bờ nên hằng năm ông Đinh Văn T gia cố bờ bằng việc đóng cọc tre, rào lưới… để đảm bảo cho việc nuôi trồng thủy sản; việc nuôi chủ yếu vào mùa đông, nước ra vào tự nhiên. Năm 2021, tại vị trí bờ cũ bị hư hỏng thì ông T đắp lại bờ. Ông Đinh Văn T cho rằng việc UBND xã T lập biên bản vi phạm hành chính với hành vi Ông chiếm đất là không đúng vì lý do phần diện tích bị lập biên bản nằm trong tổng diện tích cha Ông nhận chuyển nhượng sau đó giao lại cho vợ chồng Ông quản lý, sử dụng như đã trình bày ở trên.

Qua làm việc, UBND xã T xác định diện tích 14,5 mẫu mà cha mẹ ông Đinh Văn T nhận chuyển nhượng Giấy bán đất mắm và cây trồng lâu năm được UBND xã T xác nhận ngày 15/6/1995 không thể hiện rõ nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất nuôi trồng thủy sản giữa các bên, không thể hiện vị trí, tứ cận của diện tích chuyển nhượng nên không có cơ sở để UBND xã xác định vị trí đất trong Giấy chuyển nhượng trên thực tế. UBND xã T chỉ xác nhận việc chuyển nhượng cây trồng trên đất giữa hai bên, thực tế thì từ trước đến nay không có cây mắm nào tại vị trí ông T bị xử phạt. Mặt khác, UBND xã T có mời ông Đinh Xuân L4 (nguyên là Trưởng thôn 2, xã T vào thời điểm năm 1994), ông Đinh Xuân L3 (nguyên là cán bộ giao thông thủy lợi của UBND xã T vào năm 1995) và ông Nguyễn Văn L2 (nguyên là cán bộ văn phòng tại thời điểm UBND xã T xác nhận việc mua bán cây mắm của ông Đinh V2), theo đó ông L4, ông L3, ông L2 xác nhận diện tích có cây mắm mà ông Nguyễn T4 và ông Nguyễn C bán cây mắm cho ông Đinh V2 là khoảng từ 01 mẫu rưỡi đến 02 mẫu chứ không phải 14 mẫu rưỡi như trong Giấy bán đất mắm và cây trồng lâu năm mà ông T cung cấp.

Như vậy, việc ông Đinh Văn T cho rằng vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính có nguồn gốc là do cha mẹ ông nhận chuyển nhượng 14,5 mẫu vào năm 1995 là không có cơ sở.

- Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ:

Theo hồ sơ 64/CP xã T thể hiện, vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 41.035m$^2$, loại đất mặt nước hoang (MnHg) do UBND xã T quản lý.

Theo hồ sơ đo đạc để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2008 thì vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc khu vực không có số thửa, diện tích, loại đất.

Theo hồ sơ cơ sở D2 để làm cơ sở cấp đổi, cấp mới Giấy chứng nhận tại xã T được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2015 thể hiện, vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc thửa đất số 537, tờ bản đồ số 08, diện tích 573.053,2m$^2$, loại đất sông (SON), do UBND xã T quản lý.

Hiện nay, vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính nằm trong phạm vi thu hồi đất để thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá An Hòa được Hội đồng nhân dân tỉnh Q chấp thuận chủ trương đầu tư tại Công văn số 272/HĐND-VP ngày 15/11/2018; UBND tỉnh Q phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 31/5/2019. Ngày 03/3/2020, UBND huyện N ban hành Quyết định số 1092/QĐ-UBND Phê duyệt kế hoạch thu hồi đất để thực hiện BT, GPMB công trình: Sửa chữa, nâng cấp Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá An Hòa tại xã T và T, huyện N.

Theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 01-2020 được Sở T phê duyệt ngày 09/3/2021 để thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá An Hòa thể hiện, vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc thửa đất số 757, diện tích 2.305,4m$^2$ và thửa đất số 760, diện tích 5.118,2m$^2$, loại đất bằng chưa sử dụng (BCS); trong tổng diện tích 7.423,6m$^2$ của thửa đất số 757 và thửa đất số 760 thì có 7.373,4m$^2$ nằm trong phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án.

Như vậy, qua các thời kỳ, ông Đinh V2 và bà Lê Thị G; ông Đinh Văn T không kê khai, đăng ký sử dụng đối với phần diện tích 8.100m$^2$ bị lập biên bản vi phạm hành chính. Tại thời điểm ông Đinh Văn T thực hiện hành vi vi phạm hành chính (tháng 4/2021) thì loại đất tại vị trí đất vi phạm được xác định là loại đất bằng chưa sử dụng (BCS) thuộc nhóm đất chưa sử dụng.

*3. Hiện trạng vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính:*

Vị trí đất bị lập biên bản vi phạm hành chính về phía Đông, phía Nam, phía Bắc giáp sông T; phía Tây giáp với diện tích đất nuôi trồng thủy sản mà cha mẹ ông Đinh Văn T đứng tên chủ sử dụng theo hồ sơ đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008 (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 11, diện tích 8.497m$^2$, loại đất nuôi trồng thủy sản đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H 02524 ngày 12/9/2008 và thửa đất số 22, tờ bản đồ số 11, diện tích 7.135m$^2$, loại đất nuôi trồng thủy sản).

Từ cơ sở trên nhận thấy: Tại điểm a khoản 2 Điều 3, điểm d khoản 1 Điều 14, điểm b và điểm đ khoản 2 Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai (văn bản áp dụng tại thời điểm ban hành Quyết định xử phạt) quy định: *"Điều 3. Giải thích từ ngữ:*

*2. Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

*a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép;"*

*"Điều 14. Lấn, chiếm đất*

*1. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau:*

*d) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,5 héc ta đến dưới 01 héc ta;"*

*"Điều 38. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong việc xử phạt vi phạm hành chính*

*2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:*

*b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;*

*đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này."*

Căn cứ quy định nêu trên, việc Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 19257/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 Xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đinh Văn T do thực hiện hành vi chiếm đất chưa sử dụng (BCS) tại khu vực nông thôn, diện tích chiếm đất là 8.100m$^2$ (0,8 héc ta); hình thức xử phạt chính là phạt tiền với mức 22.500.000 đồng; buộc ông Đinh Văn T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2023/HC-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:***

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đinh Văn T:

- Huỷ Quyết định số 19257/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về xử phạt vi phạm hành chính;

- Huỷ Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn T, thường trú tại khối C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/7/2023, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Đinh Văn T.

Tại phiên tòa, Đại diên Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện N; sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận; Xét thấy:

[1]. Xét kháng cáo của Chủ tịch UBND huyện N; nhận thấy:

[1.1] Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng đất:

[1.1.1]. Tại Báo cáo số 570/BC-STNMT ngày 12/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q thì:

- Theo hồ sơ 64/CP (sổ mục kê) diện tích đất bị lập biên bản xử phạt hành chính là 8.100m$^2$, thuộc một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02, diện tích 41.035m$^2$, loại đất MnHg (mặt nước hoang) do UBND xã T quản lý.

- Theo hồ sơ cơ sở dữ liệu đất đai được UBND xã T, Văn phòng Đ và Sở T ký duyệt năm 2015 thể hiện: diện tích đất bị lập biên bản vi phạm thuộc thửa đất số 537, tờ bản đồ số 08, diện tích 573.053,2m$^2$, loại đất sông (SON), do UBND xã T quản lý.

- Theo mảnh trích đo bản đồ địa chính số 01/2020 để thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá An Hòa do Công ty Cổ phần Đ1 thực hiện, đã được UBND xã T xác nhận ngày 04/02/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q xác nhận ngày 09/3/2021, diện tích đất bị lập biên bản vi phạm hành chính thuộc thửa đất số 760, diện tích 5.118,2m$^2$ và thửa đất số 757, diện tích 2.305,4m$^2$, loại đất BCS (đất chưa sử dụng).

[1.1.2]. Quá trình sử dụng đất của ông Đinh Văn T:

- Tại *"Giấy bán đất mắm và cây trồng lâu năm"* ngày 10/5/1995 giữa ông Đinh V2 (cha ông Đinh Văn T) và ông Nguyễn T4, ông Nguyễn C, được ông Đinh Xuân L4 (nguyên thôn trưởng thôn 2, xã T thời điểm năm 1995) và ông Huỳnh H1 (nguyên Chủ tịch UBND xã T thời điểm năm 1995) xác nhận, diện tích chuyển nhượng đất có cây mắm và cây trồng lâu năm là 14 mẫu rưỡi.

- Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn D1 (con của ông Nguyễn C), bà Lê Thị T3 (vợ ông Nguyễn C), bà Nguyễn Thị L5 (con ông Nguyễn T4), ông Đinh Xuân L4 (nguyên Trưởng ban N3), ông Huỳnh H1 (nguyên Chủ tịch UBND xã T) và một số nhân chứng là người hàng xóm đều xác nhận vào năm 1995 ông Đinh V2 (cha ông Đinh Văn T) có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn T4 và ông Nguyễn C diện tích đất có cây mắm và cây trồng lâu năm là 14 mẫu rưỡi và cha con ông Đinh V2, Đinh Văn T sử dụng liên tục từ năm 1995 đến nay; đồng thời khẳng định diện tích đất hiện nay UBND huyện N biên bản vi phạm hành chính là diện tích đất do ông Đinh V2 nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn T4 và ông Nguyễn C vào năm 1995.

[1.1.3]. Trong quá trình sử dụng ông Đinh V2 và ông Đinh Văn T không kê khai đăng ký và không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính (tháng 4/2021) thì diện tích đất này là đất chưa sử dụng do UBND xã T quản lý. Đồng thời theo Quyết định số 7035/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND huyện N, về việc thu hồi đất của UBND xã T quản lý để thực hiện công trình sửa chữa, nâng cấp Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá An Hòa tại xã T, huyện N đối với phần diện tích đất 8.100m$^2$ mà ông Đinh Văn T đang sử dụng.

[1.1.4]. Theo trình bày của ông Đinh Văn T và các nhân chứng xác định ông T sử dụng diện tích đất này từ năm 1995; tuy nhiên do hàng năm đến mùa mưa bão sóng gió sạt lở đã san bằng bờ bao chỉ còn lại chân bờ, nên hàng năm gia đình ông T tiếp tục triển khai đắp bờ kiên cố để tránh xối mòn, sạt lở để phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản.

Như vậy, việc UBND xã T lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đinh Văn T về hành vi lấn chiếm đất chưa sử dụng là có căn cứ. Đồng thời theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N Quyết định số 19257/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 về xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đinh Văn T là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; sửa án sơ thẩm.

[2]. Về án phí sơ thẩm: Ông Đinh Văn T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N; sửa án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 3; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 4 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đinh Văn T về yêu cầu hủy Quyết định số 19257/QĐ-XPVPHC ngày 28/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Đinh Văn T, thường trú tại khối C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2.Về án phí sơ thẩm, Ông Đinh Văn T phải chịu án 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000258 ngày 09/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (do Lương Văn N2 nộp).

3. Về án phí phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; Hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000508 ngày 10/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam (do ông Nguyễn Hữu T5 nộp).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬPHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Tào**